TÒA ÁN ND HUYỆN NGA SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/8/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Bình.

2. Bà Nguyễn Thị Minh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa***: Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án ND huyện N, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2019/TLST – HNGĐ, ngày 28/5/2019, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17/7/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị B – sinh năm 1985.

Địa chỉ: Xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa(có mặt)

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q – sinh năm 1983.

Địa chỉ: Xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 5 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Đỗ Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Q kết hôn ngày 13/02/2007, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được đến tháng 3 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về

quan đểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vã lẫn nhau, anh Q đánh đập và đuổi chị ra khỏi nhà. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, đoàn tụ được, nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn Q có 02 con chung là Nguyễn Văn T – sinh ngày 01/01/2008 và Nguyễn Khánh L – sinh ngày 20/4/2011. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu T, L và anh Q phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị B không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Đỗ Thị B không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Q theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh Q không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, nên không có ý kiến của anh Q về việc chị B yêu cầu ly hôn. Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chỉ có mặt chị B, vắng mặt anh Q nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Phiên tòa ngày 08/8/2019, anh Q vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh Q vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Q.

Do vụ án liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 BLTTDS.

* Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện N phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của đương sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật. Nguyên đơn chị Đỗ Thị B đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn anh Nguyễn Văn Q không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Q cố tình vắng mặt nên không thống nhất được hướng giải quyết của vụ án. Tại phiên tòa anh Q vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Q.

[2] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị B và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị B là hoàn toàn chính đáng, bởi cuộc sống hôn nhân của vợ chồng gần đây không hạnh phúc, do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xung đột cải vã lẫn nhau, mâu thuẫn không thể giải quyết được, anh Q đã đánh đập và đuổi chị B ra khỏi nhà, vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau. Hơn nữa, trong qúa trình giải quyết vụ án anh Q đã cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Chứng tỏ, anh Q không có sự níu kéo, không mong muốn đoàn tụ, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị B đối với anh Nguyễn Văn Q.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị B và anh Nguyễn Văn Q có 02 con chung là Nguyễn Văn T – sinh ngày 01/01/2008 và Nguyễn Khánh L – sinh ngày 20/4/2011. Xét thấy, cả hai cháu T và L đang được chị B chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập và có cuộc sống ổn định, trong quá trình giải quyết vụ án chị B đã chứng minh được về thu nhập bình quân hàng tháng của chị (khoảng 15.000.000đ) và nguyện vọng của hai cháu xin được ở với chị B. Cho nên, chị B đề nghị giao cả hai cháu T, L cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với thực tế, đúng với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa chị B không yêu cầu anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản: Chị Đỗ Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Anh Nguyễn Văn Q không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Do vậy, cần dành quyền dân sự cho anh Q khi có yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị Đỗ Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị B. Cho chị Đỗ Thị B ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

* Về con chung: Giao cả hai cháu Nguyễn Văn T – sinh ngày 01/01/2008 và Nguyễn Khánh L – sinh ngày 20/4/2011 cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Q có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, chị B không được cản trở.

* Dành quyền dân sự cho anh Nguyễn Văn Q khi có yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản.

* Về án phí: Chị Đỗ Thị B phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0005087 ngày 28/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Chị B đã nộp đủ án phí.

* Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện N;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện N;
-VKSND tỉnh Thanh Hóa;
-TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Xuân Hùng